TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 955/2019/DS-PT
Ngày: 29/10/2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Giảng

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu Hương

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa.

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Nguyễn Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Tào Minh Quân – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 368/2019/TLPT-DS ngày 07 tháng 8 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 261/2019/DS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3843/2019/QĐXXPT-DS ngày 26 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐÁ.

Trụ sở: Số X đường PĐL, Phường 3, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Diệp Quốc D – Giám đốc phòng giao dịch Hàm Nghi – Chi nhánh Quận 1.

Địa chỉ: Số Y - Hàm Nghi, Phường NTB, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền số: 058/QĐ-Q1 ngày 17/7/2019) (Vắng mặt).

Bị đơn: Ông Thiều Quang T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: B đường số 51, Phường 14, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số Z - NĐC, phường ĐK, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/9/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 29/6/2018; bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:

Ngày 25 tháng 9 năm 2013, ông Thiều Quang T có làm giấy đề nghị cấp hạn mức thấu chi. Ngày 26/9/2013, ông T và Ngân hàng Thương mại Cổ phần ĐÁ ký kết Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 72/TC140/2013 để ông T vay số tiền 800.000.000 đồng, lãi suất 1.35%/tháng, lãi suất quá hạn 1.5 lần lãi suất trong hạn, thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày 26/9/2013 đến 26/9/2014, mục đích vay tiêu dùng, hình thức tín chấp, không có tài sản thế chấp bảo đảm. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Thiều Quang T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 26/9/2014 nguyên đơn đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn đối với hợp đồng vay số 72/TC140/2013.

Nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn trả nợ theo hợp đồng, tính đến thời điểm mở phiên hòa giải ngày 25/4/2019, số tiền là 1.814.739.120 đồng, trong đó:

- Vốn: 800.000.000 đồng;

- Lãi trong hạn: 112.399.120 đồng.

- Lãi quá hạn là 902.340.000 đồng.

Yêu cầu bị đơn trả một lần cho nguyên đơn. Tiền lãi phát sinh được tiếp tục tính từ ngày 26/4/2019 trên số dư nợ gốc là 800.000.000 đồng cho đến khi bị đơn trả hết số nợ cho nguyên đơn theo quy định tại hợp đồng vay số 72/TC140/2013 ngày 26/9/2013.

Bị đơn ông Thiều Quang T và đại diện hợp pháp theo ủy quyền là ông Nguyễn Hồng T trình bày:

Năm 2013, qua giới thiệu bị đơn được biết cổ phiếu của Ngân hàng ĐÁ sắp lên sàn nên đã đồng ý mua 100.000 cổ phiếu từ một cổ đông của Ngân hàng ĐÁ. Do không có tiền nên bị đơn có ký hợp đồng thấu chi tài khoản thẻ số 72/TC140/2013 ngày 26/9/2013 với nguyên đơn và được nguyên đơn cho vay bằng hình thức thấu chi tài khoản thẻ và dùng số tiền vay này để trả cho việc mua 100.000 cổ phiếu trên. Sau đó, bị đơn dùng 100.000 cổ phiếu vừa mua được làm tài sản thế chấp cho việc vay thấu chi này, việc cầm cố thế chấp thể hiện rõ trong hợp đồng.

Như vậy có đủ cơ sở xác định nguyên đơn đã cho thế chấp, cầm cố 100.000 cổ phiếu của bị đơn, qua đó cấp tín dụng cho bị đơn vay thấu chi số tiền 800.000.000 đồng. Điều này vi phạm nghiêm trọng về những trường hợp không được cấp tín dụng nêu tại khoản 5 Điều 126 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 là "Tổ chức tín dụng không được cấp tín dụng trên cơ sở nhận bảo đảm bằng cổ phiếu của chính tổ chức tín dụng hoặc công ty con của Tổ chức tín dụng"

Từ các cơ sở và chứng cứ nói trên, áp dụng quy định tại Điều 123 Bộ luật dân sự năm 2015, phía bị đơn đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì hợp đồng cho vay thấu chi số 72/TC140/2013 ngày 26/9/2013 giữa nguyên đơn và bị đơn là giao dịch dân sự vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật, qua đó không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 131 Bộ luật dân sự năm 2015, do đó không làm phát sinh lãi suất do hợp đồng vô hiệu. Số tiền nợ gốc 800.000.000 đồng đề nghị xử lý như sau: Cho phát mãi số cổ phiếu của bị đơn đang thế chấp, cầm cố tại Ngân hàng ĐÁ để trừ vào số tiền gốc như hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng thấu chi tài khoản thẻ.

Ngày 02/10/2018, đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện và yêu cầu Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án do hết thời hiệu khởi kiện.

Bản án sơ thẩm số 261/2019/DS-ST ngày 19/6/2019 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp quyết định:

- Áp dụng các Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 220; Điều 235, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 471 và khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Áp dụng các Điều 465; Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010;

- Áp dụng Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Điều 3; Điều 12 của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 được sửa đổi năm 2012 về đăng ký giao dịch bảo đảm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Thiều Quang T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần ĐÁ số tiền 1.814.739120 đồng (*Một tỷ tám trăm mười bốn triệu bảy trăm ba mươi chín ngàn một trăm hai mươi*) đồng tạm tính đến ngày 25/4/2019, bao gồm nợ gốc là 800.000.000 (*Tám trăm triệu*) đồng, lãi trong hạn là: 112.399.120 (*Một trăm mười hai triệu ba trăm chín mươi chín ngàn một trăm hai mươi*) đồng và lãi quá hạn là 902.340.000 (*Chín trăm lẻ hai triệu ba trăm bốn mươi ngàn*) đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông T còn phải chịu thêm tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 26 tháng 4 năm 2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất thỏa thuận được quy định trong hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 72/TC140/2013 ngày 26/9/2013 đã ký giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần ĐÁ với ông Thiều Quang T.

Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Thiều Quang T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 66.442.217 (S*áu mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi hai ngàn hai trăm mười bảy*) đồng.

- Hoàn lại 28.296.287 *(Hai mươi tám triệu hai trăm chín mươi sáu ngàn hai trăm tám mươi bảy)* đồng tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn theo biên lai thu số 0029508 ngày 25/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương.

Ngày 01/7/2019, bị đơn có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Lý do kháng cáo: trong quá trình xét xử vụ án, hội đồng xét xử đã không xem xét đánh giá một cách khách quan, toàn diện về việc vi phạm điều cấm của pháp luật của hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ đã ký giữa Ngân hàng ĐÁ và bị đơn, đặc biệt trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân quận Gò Vấp đã có vi phạm nghiêm trọng về thời hạn xử lý đơn khởi kiện làm

ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Bị đơn kháng cáo yêu cầu:

- Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

- Tuyên hợp đồng vay thấu chi số 72/TC140/2013 ngày 26/9/2013 vô hiệu, không làm phát sinh nghĩa vụ thanh toán lãi suất của bị đơn;

- Số tiền được giải ngân theo hợp đồng là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) cho phát mãi 100.000 cổ phiếu hiện nay bị đơn đang thế chấp, cầm cố tại Ngân hàng ĐÁ cấn trừ vào số tiền gốc như đã thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng thấu chi tài khoản thẻ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cho rằng giấy chứng nhận sở hữu và toàn bộ giấy tờ liên quan đến 100.000 cổ phiếu của ông Thiều Quang T đều do ngân hàng ĐÁ quản lý cầm giữ từ ngày hai bên ký hợp đồng thấu chi, đồng thời toàn bộ lợi tức được chia của 100.000 cổ phiếu này đã bị ngân hàng ĐÁ thu để trừ vào lãi của khoản vay 800.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, phân tích nhận định về nội dung kháng cáo của đương sự, đã nhận xét và đề nghị như sau:

- Về tố tụng: Giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự được đảm bảo để thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo qui định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Không chấp nhận kháng cáo của Bị đơn; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 261/2019/DS-ST ngày 19/6/2019 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 72/TC140/2013 ngày 26/9/2013 do ông Thiều Quang T ký kết với Ngân hàng Thương mại cổ phần ĐÁ, nội dung ngân hàng cấp hạn mức thấu chi số tiền 800.000.000 đồng, thời hạn thấu chi 12 tháng kể từ ngày ngân hàng cấp hạn mức thấu chi là ngày 26/9/2013. Vào ngày 26/9/2013, ông Thiều Quang T đã sử dụng số tiền 800.000.000 đồng trong hạn mức thấu chi được cấp từ tài khoản thẻ, cho đến nay chưa thanh toán trả nợ cho nguyên đơn.

Xét kháng cáo của bị đơn về áp dụng thời hiệu khởi kiện:

[2] Theo Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 72/TC140/2013 ngày 26/9/2013 quy định về thời hạn thấu chi là 12 tháng, tức đến ngày 26/9/2014 là hết hạn thấu chi. Án sơ thẩm xác định thời điểm bị đơn vi phạm hợp đồng từ ngày 26/9/2014 là đúng.

[3] Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu được áp dụng theo quy định của Bộ luật này, tại Điều 429 quy định thời hiệu khởi kiện về hợp đồng là 3 năm.

[4] Theo tài liệu chứng cứ tại hồ sơ vụ án thể hiện, "Đơn khởi kiện" của nguyên đơn ngày 05/9/2017 được Tòa án nhân dân quận Gò Vấp đóng dấu nhận đơn số 476/2017/HN, ngày nhận 14/9/2017. Thời điểm khởi kiện được xác định là thời điểm Tòa án nhận đơn khởi kiện. Như vậy, thời điểm nguyên đơn khởi kiện vẫn còn trong thời hạn 3 năm kể từ ngày bị đơn vi phạm hợp đồng, do đó án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bị đơn về việc áp dụng thời hiệu khởi kiện để đình chỉ giải quyết vụ án là đúng pháp luật.

[5] Cũng theo nội dung án sơ thẩm thể hiện, bị đơn có khiếu nại về nội dung cấp sơ thẩm vi phạm thời hạn tiếp nhận và xử lý đơn khởi kiện và khiếu nại này đã được Chánh án Tòa án nhân dân quận Gò Vấp giải quyết theo Quyết định số 62/2018/QĐ-TA ngày 14/11/2018.

[6] Mặt khác, Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 72/TC140/2013 ngày 26/9/2013 tại Điều 4.1.3 có quy định nội dung "Quá thời hạn thấu chi, nếu chủ thẻ chưa thanh toán đầy đủ tổng nợ thấu chi thì Ngân hàng chuyển số dư nợ thấu chi sang nợ quá hạn"; tại Điều 6.3 quy định "Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 26/9/2013 cho đến khi chủ thẻ đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ với Ngân hàng Đông Á". Như vậy, với những cơ sở này, ngân hàng có quyền khởi kiện bị đơn mà không phụ thuộc vào thời điểm hết hạn thấu chi quy định tại hợp đồng.

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn cung cấp bổ sung tài liệu là "Biên bản làm việc" ngày 16/10/2015 giữa Ngân hàng với ông Thiều Quang T có nội dung xác nhận công nợ và phương hướng xử lý nợ. Tại biên bản này, ông Thiều Quang T ký xác nhận nợ vốn và nợ lãi đến thời điểm ngày 16/10/2015.

Từ các cơ sở chứng cứ nêu trên, xét nội dung kháng cáo của bị đơn về việc sơ thẩm không áp dụng thời hiệu khởi kiện, là không có căn cứ chấp nhận.

Xét kháng cáo của bị đơn về yêu cầu xác định Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 72/TC140/2013 ngày 26/9/2013 bị vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật nên không làm phát sinh nghĩa vụ thanh toán lãi suất của bị đơn:

[8] Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 72/TC140/2013 ngày 26/9/2013 có đánh dấu vào ô "Thế chấp/cầm cố 100.000 cổ phiếu", hai bên đều thừa nhận không có hợp đồng riêng về thế chấp, cầm cố. Tại Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 72/TC140/2013 ngày 26/9/2013 còn quy định về các hình thức xử lý khác khi chủ thẻ vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Thực tế 100.000 cổ phiếu của ông Thiều Quang T ngân hàng không quản lý theo dạng tài sản đảm bảo.

Việc cấp hạn mức tín dụng với hình thức thấu chi của ngân hàng trong trường hợp này không có quy định bắt buộc phải có tài sản đảm bảo. Do đó ngân hàng và ông T ký Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ mà không có tài sản đảm bảo thì hợp đồng vẫn có hiệu lực mà không vi phạm pháp luật.

Hợp đồng cũng có quy định cụ thể về quyền, nghĩa vụ của mỗi bên, trong đó có thỏa thuận quy định về lãi suất, về chuyển nợ quá hạn, về phương thức xử lý khi chủ thẻ vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Các bên tự nguyện giao kết những điều khoản tại hợp đồng nêu trên, nay bị đơn yêu cầu xác định hợp đồng vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật và không đồng ý trả lãi là không có cơ sở chấp nhận.

[9] Về trình bày của bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm, cho rằng giấy chứng nhận sở hữu và toàn bộ giấy tờ liên quan đến 100.000 cổ phiếu của ông Thiều Quang T đều do ngân hàng ĐÁ quản lý cầm giữ từ ngày hai bên ký hợp đồng thấu chi, đồng thời toàn bộ lợi tức được chia của 100.000 cổ phiếu này đã bị ngân hàng ĐÁ thu để trừ vào lãi của khoản vay 800.000.000 đồng. Hội đồng xét thấy: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ là Văn bản số 516/2018/CV-DAS ngày 11/8/2018 của Công ty Chứng khoán Ngân hàng ĐÁ thể hiện: Ông Thiều Quang T đang sở hữu 100.000 cổ phiếu Dong A Bank (mã cổ đông: DAB092525) mua từ cổ đông khác vào ngày 25/9/2013, đã được cấp giấy chứng nhận sở hữu cổ phần nhưng ông T chưa đến nhận và hiện vẫn còn được lưu giữ tại DAS (Công ty Chứng khoán Ngân hàng ĐÁ). Như vậy, 100.000 cổ phiếu Dong A Bank vẫn hoàn toàn thuộc quyền sở hữu của ông T mà không hề bị hạn chế quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt theo quy định của pháp luật. Lợi tức từ 100.000 cổ phiếu này (nếu có) cũng hoàn toàn thuộc sở hữu của ông T, không có căn cứ nào chứng minh nguyên đơn đã trích thu lợi tức từ số cổ phiếu này để trừ nợ khoản vay thấu chi của ông T.

[10] Về nội dung kháng cáo đề nghị phát mãi 100.000 cổ phiếu của bị đơn để trả nợ, nhận thấy đây là phương thức thanh toán nợ, chỉ được Tòa án ghi nhận nếu được các đương sự cùng thỏa thuận. Vấn đề này các đương sự có quyền tự thỏa thuận trong giai đoạn thi hành án.

Từ những nhận định trên, xét kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận, như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 465; Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010; Áp dụng Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Áp dụng Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Không chấp nhận kháng cáo của Bị đơn; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 261/2019/DS-ST ngày 19/6/2019 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc ông Thiều Quang Trung trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần ĐÁ số tiền 1.814.739.120 (Một tỷ tám trăm mười bốn triệu bảy trăm ba mươi chín ngàn một trăm hai mươi) đồng tính đến ngày 25/4/2019, (bao gồm: nợ gốc là 800.000.000 đồng, lãi trong hạn là: 112.399.120 đồng và lãi quá hạn là 902.340.000 đồng). Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Ông T còn phải chịu thêm tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 26 tháng 4 năm 2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất thỏa thuận được quy định tại Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 72/TC140/2013 ngày 26/9/2013 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần ĐÁ với ông Thiều Quang T.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Thiều Quang T phải chịu là 66.442.217 (Sáu mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi hai ngàn hai trăm mười bảy) đồng.

- Hoàn lại 28.296.287 (Hai mươi tám triệu hai trăm chín mươi sáu ngàn hai trăm tám mươi bảy*)* đồng tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn, theo biên lai thu số 0029508 ngày 25/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

Án phí phúc thẩm: Ông Thiều Quang T phải chịu 300.000 đồng, trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng (Biên lai thu AA/2019/0001034 ngày 02/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp).

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- TAND Tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TPHCM;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp, TPHCM;
- TAND quận Gò Vấp, TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu HS; (20)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hồng Giảng